

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 99/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Trụ sở: Số 22 Q, phường T, quận K, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T - Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Thanh H (Theo giấy ủy quyền số: 5709/UQ-PVB ngày 08 tháng 04 năm 2020).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983

Ông Hoàng Hồng G, sinh năm: 1982

Cùng HKTT và trú tại: Số 6 lô 4 G, tổ 40, phường N, quận H, Hà Nội (ông G ủy quyền cho bà N – theo giấy ủy quyền số 07020/2021/CCHH/GUQ ngày 23 tháng 11 năm 2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm: 1985

2. Cháu Đặng Hà P, sinh năm: 2009 (do chị C là đại diện hợp pháp).

Cùng trú tại: Căn hộ số: A2 (CH07), Tầng: 07, Tòa nhà W, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G xác nhận còn nợ Ngân hàng C theo Hợp đồng cho vay số 006/2015/HĐTD/PVB-TAYSON ký ngày 05/5/2015 và khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến ngày 30/03/2022 tổng số tiền là: 2.051.856.792 đồng (hai tỉ, không trăm năm mươi một triệu, tám trăm lăm mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 1.425.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 448.460.762 đồng

Nợ lãi quá hạn: 178.396.030 đồng

Kể từ ngày 31/03/2022, bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Hồng G còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 006/2015/HĐTD/PVB-TAYSON ký ngày 05/5/2015 và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.2. Bà Nguyễn Thị N xác nhận còn nợ Ngân hàng C theo Hợp đồng Hạn mức thấu chi số 1509/2017/HĐHMTTC/PVB-HVT ngày 15/9/2017 tạm tính đến ngày 30/03/2022 tổng số tiền là: 152.034.632 đồng. (Một trăm năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng)

Nợ gốc: 90.915.872 đồng

Nợ lãi trong hạn: 0 đồng

Nợ lãi quá hạn: 61.119.760 đồng

Kể từ ngày 31/03/2022, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng Hạn mức thấu chi số 1509/2017/HĐHMTTC/PVB-HVT ngày 15/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.3. Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

2.3.1. Ngân hàng C và bị đơn là bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G cùng thống nhất phương án thanh toán số tiền nợ đối với Hợp đồng cho vay số 006/2015/HĐTD/PVB-TAYSON ký ngày 05/5/2015 và khế ước nhận nợ theo thời gian cụ thể như sau:

Chậm nhất trước ngày 19/07/2022, bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền: 2.051.856.790 đồng.

Kể từ ngày 31/03/2022, bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Hồng G còn phải chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 006/2015/HĐTD/PVB-TAYSON ký ngày 05/5/2015 và khế ước nhận nợ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay theo hợp đồng trên để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng C, cụ thể là:

Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư tòa nhà W số 236/2015/HĐMBBDS-COMA18 ký ngày 04 tháng 05 năm 2015 giữa Công ty cổ phần C và bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G về việc mua bán căn hộ số: A2 (CH07), tầng 07, Tòa nhà W, quận Đ, Hà Nội. Diện tích sử dụng căn hộ là: 105,70 m, diện tích sàn xây dựng: 123 m². Đặc điểm về đất xây dựng nhà chung cư có căn hộ nêu trên tại: Thửa đất số 02, Tờ bản đồ số: 00 do Sở tài nguyên & Môi Trường thành phố Hà Nội lập ngày 31/7/2009, có diện tích xây dựng là 2.045,8 m². Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

2.3.2. Ngân hàng C và bị đơn là bà Nguyễn Thị N cùng thống nhất phương án thanh toán số tiền nợ đối với Hợp đồng hạn mức thấu chi số 1509/2017/HĐHMTTC/PVB-HVT ngày 15/9/2017 theo thời gian cụ thể như sau: Chậm nhất trước ngày 19/07/2022, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền 152.034.632 đồng.

Kể từ ngày 31/03/2022, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức thấu chi số 1509/2017/HĐHMTTC/PVB-HVT ngày 15/9/2017. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ số tiền bà Nguyễn Thị N chưa trả.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Hồng G tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành đối với Hợp đồng cho vay số 006/2015/HĐTD/PVB-TAYSON ký ngày 05/5/2015 theo quy định của pháp luật là: 36.518.568 đồng (tương ứng mỗi người phải chịu 18.259.284 đồng).

Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành đối với hợp đồng hạn mức thấu chi số 1509/2017/HĐHMTTC/PVB-HVT ngày 15/9/2017 là 3.800.866 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền **31.231.899 đồng** (ba mươi một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng C (nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011933 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKS nhân dân quận Hai Bà Trưng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tú